

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN DẦU TIẾNG
TỈNH BÌNH DƯƠNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 42/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 28-8-2023
V/v ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN DẦU TIẾNG, TỈNH BÌNH DƯƠNG**

- *C phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:*

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Ngọc Tuyền

Các Hội thẩm nhân dân:

- Bà Nguyễn Thị Thu Thu.
- Ông Trương Hữu Bình.

- *Thư ký phiên tòa:* Bà Trần Thị Thảo – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Dầu Tiếng, tỉnh Bình Dương.

- *Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Dầu Tiếng, tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa:* Bà Đinh Thị Yến – Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 8 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Dầu Tiếng, tỉnh Bình Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 354/2023/TLST-HNGĐ ngày 01 tháng 8 năm 2023 về việc “ly hôn”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 38/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 10 tháng 8 năm 2023 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1973. HKTT: Ấp B, xã Đ, huyện Đ1, tỉnh Long An.

- *Bị đơn:* Ông Lê Hùng C, sinh năm 1971. HKTT: Ấp L1, xã L, huyện D, tỉnh Bình Dương.

Nguyên đơn, bị đơn có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*** Theo đơn xin ly hôn đề ngày 26/7/2023, bản tự khai và quá trình tham gia tố tụng, nguyên đơn (bà Nguyễn Thị H) trình bày:**

- Về quan hệ hôn nhân:

Bà H và ông C tự nguyện chung sống với nhau từ năm 1990, hôn nhân tự nguyện, có làm đám cưới nhưng không có đăng ký kết hôn.

Quá trình chung sống, hai vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, bất đồng quan điểm sống. Đến năm 2001, thì bà H và ông C đã không còn sống chung cho đến nay. Thấy rằng mục đích hôn nhân không đạt được, hạnh phúc và tình cảm vợ chồng không còn nên bà H làm đơn xin ly hôn với ông C.

- Về con chung: Có 02 con chung tên Lê Hùng P, sinh năm 1993 và Lê Ngọc A, sinh năm 2001. Hai con chung đã trưởng thành không yêu cầu giải quyết.

- Về tài sản chung, nợ chung: Không tranh chấp không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ngoài ra, nguyên đơn không có yêu cầu, tranh chấp gì khác.

** Theo bản tự khai và yêu cầu giải quyết vắng mặt ngày 09/8/2023, bị đơn (ông Lê Hùng C) trình bày:*

Ông C thống nhất với bà H về quá trình tự nguyện chung sống với nhau từ năm 1990, hôn nhân tự nguyện, có làm đám cưới nhưng không có đăng ký kết hôn. Có 02 con chung. Các con đã trưởng thành.

Trước yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của bà H thì ông C đồng ý vì hai vợ chồng đã không còn sống chung với nhau từ năm 2001, không thể sống chung với nhau được nữa.

Về con chung: Các con đã trưởng thành.

Về tài sản chung, nợ chung: Không tranh chấp không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ngoài ra bị đơn không có yêu cầu, tranh chấp gì khác.

** Đại diện Viện kiểm sát phát biểu tại phiên tòa:*

Về thủ tục tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký đã tuân thủ đúng quy định của pháp luật. Tòa án đã tiến hành thu thập chứng cứ, tổng đạt các văn bản tố tụng đầy đủ, đúng trình tự thủ tục, người tham gia tố tụng đúng C phần. Phiên tòa được tiến hành đúng trình tự. Nguyên đơn, bị đơn đã tuân thủ đúng quy định của pháp luật.

Về nội dung vụ án: Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ được Hội đồng xét xử làm rõ tại phiên tòa, đề nghị Hội đồng xét xử không công nhận quan hệ vợ chồng giữa bà H và ông C.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Bà Nguyễn Thị H khởi kiện ông Lê Hùng C về việc ly hôn. Ông C có nơi cư trú tại ấp L1, xã L, huyện D, tỉnh Bình Dương nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện D theo quy định tại

điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự. Ông C và bà H có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt nên Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt các ông bà theo quy định tại Điều 227, 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Bà H và ông C thừa nhận chung sống với nhau từ năm 1990, việc chung sống tự nguyện nhưng không đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân có thẩm quyền. Bà H xác định giữa bà H và ông C xảy ra nhiều mâu thuẫn trong quá trình chung sống, không thể tự giải quyết được nên làm đơn yêu cầu ly hôn với ông C. Ông C có ý kiến đồng ý ly hôn với bà H. Việc bà H và ông C tự nguyện chung sống với nhau nhưng không đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân cấp có thẩm quyền đã vi phạm vào Điều 9 Luật Hôn nhân và gia đình. Do đó, căn cứ vào Điều 14 Luật Hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử không công nhận bà H và ông C là vợ chồng.

[3] Về con chung: Bà H và ông C có 02 con chung tên Lê Hùng P, sinh năm 1993 và Lê Ngọc A, sinh năm 2001. Con chung đã trưởng thành, các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

[4] Về tài sản chung, nợ chung: Bà H không yêu cầu nên không xem xét.

[5] Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát về nội dung vụ án, các thủ tục tố tụng, quá trình tiến hành tố tụng cũng như diễn biến tại phiên tòa là có căn cứ, phù hợp quy định của pháp luật.

[6] Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Bà H phải chịu theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào các Điều 28, 35, 39, 147, 227, 228, 266, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Căn cứ vào các Điều 9, 14, 53, 58 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị H đối với ông Lê Hùng C về việc “ly hôn”.

1.1. Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa bà Nguyễn Thị H và ông Lê Hùng C.

1.2. Về con chung: Hai con chung đã trưởng thành, các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

1.3. Về tài sản chung, nợ chung: Không tranh chấp, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Bà Nguyễn Thị H chịu 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng) và được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng) tiền tạm ứng án phí mà bà H đã nộp theo biên lai thu số AA/2021/0009245 ngày 26 tháng 7 năm 2023 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Dầu Tiếng, tỉnh Bình Dương.

3. Quyền kháng cáo:

Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND tỉnh Bình Dương;
- VKSND huyện Dầu Tiếng;
- CCTHADS huyện Dầu Tiếng;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, VT.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

PhạmNgọcTuyền